

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NEWWIND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NEWWIND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWWIND CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEWWIND

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110186364

**3. Ngày thành lập:** 18/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 453 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985 700 360

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động kiến trúc<br>Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>Khảo sát xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7110(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | <p>Tư vấn Quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>Kiểm định xây dựng</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình:</p> <p>Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng</p> <p>Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp</p> <p>Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông</p> <p>Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn</p> <p>Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình</p> <p>Lập quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình:</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp</p> <p>Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông</p> <p>Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình:</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> <p>Định giá xây dựng</p> <p>Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Tư vấn đấu thầu</p> <p>Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</p> |      |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7211 |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7212 |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                 | 7213 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                             | 7214 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                  | 7221 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                | 7222 |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                              | 7410 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ tư vấn chứng khoán; - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng) | 7490 |
| 17. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                    | 2410 |
| 18. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>( không bao gồm sản xuất vàng miếng)                                                                                                               | 2420 |
| 19. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                               | 2431 |
| 20. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                            | 2432 |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                              | 2511 |
| 22. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                  | 2512 |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                            | 2591 |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                | 2592 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                      | 4933 |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                     | 5225 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>Logistics                                                                          | 5229 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                           | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                               | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                    | 4221 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                         | 4222 |
| 35. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                          | 4223 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                           | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                    | 4291 |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                             | 4292 |

|     |                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------|------|
| 39. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo            | 4293 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác       | 4299 |
| 41. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)            | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn) | 4312 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                            | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ THÀNH<br>CÔNG | Thôn Đại Tảo, Xã<br>Xuân Giang,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 16,670       | 0010880245<br>80                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 16,670       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                    |                                    |         |               |        |                  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | NGÔ THỊ<br>NGÂN | Thôn Đại Tảo, Xã<br>Xuân Giang,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000  | 500.000.000   | 5,560  | 0331920134<br>46 |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Tổng số                            | 50.000  | 500.000.000   | 5,560  |                  |
|   |                 |                                                                                    |                                    |         |               |        |                  |
| 3 | VŨ VĂN<br>TUÔNG | Khu Ba Hàng, Xã<br>Xuân Giang,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 700.000 | 7.000.000.000 | 77,770 | 0010840136<br>59 |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                    | Tổng số                            | 700.000 | 7.000.000.000 | 77,770 |                  |
|   |                 |                                                                                    |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN TUỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/04/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001084013659*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu Ba Hàng, Xã Xuân Giang, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Ba Hàng, Xã Xuân Giang, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*